TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Nhận.

2. Ông Nguyễn Thế Hanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà*:** Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/7/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thế T, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện H, Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện H, Hải Dương.

3. *Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Thế Đ, sinh năm 1964

Trú tại: Thôn K, xã T, huyện H, Hải Dương.

- Bà Phan Thị D, sinh năm 1963

Trú tại: Thôn K, xã T, huyện H, Hải Dương.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961

Trú tại: Thôn L, xã T, huyện H, Hải Dương.

(Anh Nguyễn Thế T, ông Nguyễn Thế Đ, bà Phan Thị D và bà Nguyễn Thị T vắng mặt và có ý kiến đề nghị xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị N vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn ngày 17/02/2014 trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống. Mặt khác, chị N không chăm lo cho gia đình, thường có lời lẽ xúc phạm chồng, thiếu tôn trọng gia đình chồng. Có lần vợ chồng xô xát, chị N đã xé hết quần áo của anh, đập phá đồ đạc trong nhà, cầm dao dí vào cổ anh, hay nhét đồ bẩn vào mồm anh, bôi ớt vào quần anh, cào cấu xây sát hết người anh. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị N, không thể tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng với chị N nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Bảo N sinh ngày 06/7/2014. Khi ly hôn, anh xin nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai bị đơn trình bày việc đăng ký kết hôn đúng như anh T đã khai. Trong quá trình sinh sống, vợ chồng cũng có nhiều mâu thuẫn, xô sát, cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị lại nóng tính và nông nổi. Chị không để ý vun vén cho gia đình, có lần vô lễ với bố mẹ chồng và có những hành xử không đúng với chồng. Chị đã nhận thấy sai lầm của bản thân và mong nhận được sự tha thứ của anh T. Chị không đồng ý li hôn mà muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung như anh T đã trình bày. Do không đồng ý ly hôn nên chị không đưa ra quan điểm gì về con chung.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Lời khai của ông Nguyễn Thế Đ (bố đẻ anh T) thể hiện: Sau khi kết hôn, chị N không chịu về ở cùng với gia đình ông mà ở quán kinh doanh Internet. Chị N cho rằng mình có kinh tế, làm ra tiền nên coi khinh anh T, thường xuyên chửi bới anh T. Chị N tính tình đanh đá, anh T phải nín nhịn chị N rất nhiều. Chị N là người không biết lẽ sống, phép tắc, không tôn trọng người lớn, coi thường bố mẹ chồng. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết để anh T sớm ổn định cuộc sống. Về con chung, anh T chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/7/2014. Hiện gia đình ông và anh T đang nuôi dưỡng cháu N, ông đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng; gia đình ông sẽ hỗ trợ anh T chăm sóc cháu N.

* Lời khai của bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ chị N) thể hiện: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh T, chị N có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm, tính cách trái ngược. Chị N không khéo léo, không biết nhường nhịn chồng, đôi khi cư xử lấn át chồng, vụng về với bố mẹ chồng. Nhiều lần bà có khuyên bảo chị N nhưng do chị N có cái tôi lớn nên chưa tiếp thu ngay được lời khuyên của mọi người. Nay chị N đã nhận thức được sai lầm của mình và hứa không tái phạm nên đề nghị Tòa án tạo cơ hội cho anh T chị N được đoàn tụ.

* Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị N không chung sống cùng gia đình anh T mà ở quán kinh doanh Internet, cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, xô sát. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, có tính cách trái ngược nhau. Mặt khác, chị N có tính tình ngang ngược, sống lấn át chồng, có thái độ coi thường chồng và bố mẹ chồng. Về con chung, anh T chị N có 01 con chung, đề nghị Tòa án giao con cho anh T nuôi sẽ đảm bảo quyền lợi của con hơn vì chị N đang phải nuôi 01 con riêng khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử anh T ly hôn chị N. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo N cho anh Nguyễn Thế T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận tự nguyện của anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt và trước đó đã có đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt anh T, chị N và những người làm chứng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T chị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã T,

huyện H, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện, nên là hôn nhân hợp pháp.

Xem xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T và ý kiến xin đoàn tụ của chị N, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh T chị N đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách trái ngược nhau; chị N thiếu tôn trọng và có những xử sự chưa phù hợp với chồng và gia đình chồng, từ đó mà vợ chồng đã xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Nay anh T xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị N và kiên quyết ly hôn với chị N dẫn đến quan hệ hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử anh T ly hôn chị N là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh T chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo N sinh ngày 06/7/2014. Chị N không đề xuất về giải quyết con chung, trong khi anh T xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến của gia đình anh T sẽ hỗ trợ anh trông nom, chăm sóc cháu N. Ý kiến của địa phương nếu giao con cho anh T nuôi dưỡng sẽ đảm bảo điều kiện tốt hơn cho con chung của anh chị. Sau khi xem xét, đánh giá các tài liệu chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo cao nhất quyền lợi của con chưa thành niên, cần giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ chung: Anh T chị N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Nguyễn Thế T ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/7/2014 cho anh Nguyễn Thế T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận tự nguyện của anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thế T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

AA/2017/0000435 ngày 04/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, anh T đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Vũ Thị Nhung

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Lang, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhung